

Bản án số: 121/2025/HS-ST
Ngày: 20-10-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Danh Hoàng Duyên**

Ông **Nguyễn Văn Quyền**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Ngọc Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Lương Quang Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2025/TLST-HS ngày 13/05/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 05 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Thái Quốc T, sinh ngày 16 tháng 07 năm 1978 tại K - Kiên Giang; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ B, ấp A, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu K, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: Thuyền trưởng; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Thái Văn C (đã chết) và bà Phan Ngọc Á, sinh năm 1953; Vợ Đặng Thị Mỹ D, sinh năm 1995; Con ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019;

* Tiền án: Không.

* Tiền sự: - Ngày 12/3/2024, bị Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 12.500.000 đồng về hành vi trang bị không đầy đủ trang thiết bị an toàn tàu cá đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên khi hoạt động khai thác thủy sản, đã đóng xong tiền phạt nhưng chưa được xóa tiền sự.

- Ngày 14/3/2024, bị Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 17.500.000 đồng về hành vi không chấp hành việc kiểm tra của cơ quan

nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đã đóng xong tiền phạt nhưng chưa được xóa tiền sự.

Bị cáo Thái Quốc T bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/12/2024 cho đến nay. Hiện bị can đang được tại ngoại tại tổ B, ấp A, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ B, ấp A, đặc khu K, tỉnh An Giang)

2. Nguyễn Đô N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại A - Kiên Giang; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Đ, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: Ngư phủ; Trình độ học vấn: 03/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1948 và bà Trương Thị Á1, sinh năm 1959; Anh, chị em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989;

* Tiền án: không.

* Tiền sự: - Ngày 12/3/2024, bị Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 25.000.000 đồng về hành vi vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét, đã nộp phạt xong nhưng chưa xóa tiền sự.

Hình thức phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng 2, thời hạn 4,5 tháng, kể từ ngày 12/3/2024 đến ngày 27/7/2024.

- Ngày 13/3/2024, bị Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 47.500.000 đồng về hành vi vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét và hành vi thuyền trưởng không có chứng chỉ theo quy định, đã nộp phạt xong nhưng chưa xóa tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Đô N bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/12/2024 cho đến nay. Hiện bị can đang được tại ngoại tại ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa theo yêu cầu của các bị cáo Thái Quốc T và Nguyễn Đô N:*
Luật sư **Lê Văn T2** – Đoàn luật sư thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1980 (có mặt);

2. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1980 (có mặt);

Cùng địa chỉ: D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là D P, phường R, tỉnh An Giang).

3. Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: P đường C T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là P đường C T, phường R, tỉnh An Giang).

- Người làm chứng:

1. Ông **Nguyễn Vương Quốc T4**, sinh năm 1980.

2. Ông **Nguyễn Vương Quốc G**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ).

(những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tàu cá mang số hiệu KG-95858TS (tàu cái) và tàu cá mang số hiệu KG-94156TS (tàu đực) là của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn T3 là chủ sở hữu. Bà P và ông T3 giao 02 chiếc tàu cá này cho ông Nguyễn Quốc V (chồng bà P), sinh năm 1980, nơi cư trú Lô D P, phường V, thành phố R là người quản lý điều hành, khai thác sử dụng. Ông V thuê Thái Quốc T làm thuyền trưởng tàu KG-95858TS điều hành mọi hoạt động và quản lý thuyền viên khi hai tàu cá KG-95858TS và KG-94156TS hoạt động trên biển.

Vào ngày 15/02/2024, tàu cá mang số hiệu KG-95858TS, trên tàu có 15 thuyền viên do T làm thuyền trưởng và tàu cá mang số hiệu KG-94156TS, trên tàu có 5 thuyền viên do T thuê Nguyễn Đô N làm thuyền trưởng. Trước khi xuất bến cả 02 tàu cá làm thủ tục tại Trạm kiểm soát Biên phòng K, thuộc Đồn Biên phòng T6, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Khi xuất bến, trên 02 tàu cá đều được ông V lắp đặt sẵn thiết bị giám sát hành trình. Giữa người quản lý tàu cá là ông V và ông T không làm hợp đồng thuê đánh bắt hải sản, chỉ thỏa thuận miệng với nhau về ăn chia giá trị số lượng hải sản đánh bắt được theo tỷ lệ 60/40 (ông V hưởng 60%, T hưởng 40%) sau khi đã trừ chi phí, sau đó T có trách nhiệm trả tiền công cho thuyền trưởng và các thuyền viên (ngư phủ) mà T thuê làm trên 02 tàu cá KG-95858TS và KG-94156TS.

Trong quá trình đánh bắt, khai thác thủy sản trên vùng biển gần R – Malaysia (cách ranh giới khoảng 5 đến 10 hải lý). Do số lượng hải sản đánh bắt được trên vùng biển Việt Nam ít, khả năng không đủ chi phí hoạt động. Với hy vọng đưa 02 tàu cá đi đánh bắt ở vùng biển nước ngoài sẽ đánh bắt được sản lượng hải sản nhiều hơn, tăng thêm thu nhập và việc mua dầu Diesel trên vùng biển nước ngoài có giá rẻ hơn nên trong khoảng thời gian từ lúc tàu ra khơi đánh bắt (ngày 15/02/2024) đến ngày khi tàu bị lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam bắt giữ vào ngày 21/05/2024, Thái Quốc T đã nhiều lần tắt thiết bị định vị AIS trên máy định vị Onwa của tàu cá KG-95858-TS để không lưu lại vết hành trình (Bút lục số 10) và chỉ đạo Nguyễn Đô N cùng thực

hiện hành vi ngắt kết nối thiết bị giám sát hành trình trên 02 tàu cá đã được ông V trang bị trên tàu để tránh bị phát hiện vị trí, tọa độ nhằm mục đích đưa 02 tàu cá sang vùng biển Malaysia mua dầu Diesel sử dụng và khai thác, đánh bắt trái phép thủy sản.

Để ngắt kết nối, T và N dùng 01 cục N2, có sẵn ở trên tàu cá đưa gần vào nút nguồn của thiết bị giám sát hành trình rê qua, rê lại vài lần là ngắt kết nối (khi mở lại thiết bị giám sát hành trình thì cũng làm tương tự).

Khi tắt thiết bị giám sát hành trình thì T và N cùng tắt một lượt, sau khi tắt xong thì cùng nhau điều khiển tàu cá di chuyển sang vùng biển Malaysia để khai thác trái phép thủy sản, sau khi tàu về đến vùng biển Việt Nam thì cả 02 tàu mở lại kết nối thiết bị giám sát hành trình cùng 01 lúc. Cụ thể như sau:

- *Tàu cá số hiệu KG-95858TS do Thái Quốc T làm thuyền trưởng mất kết nối thiết bị giám sát hành trình trên biển 19 lần:*

+ Lần 1: mất kết nối lúc 21 giờ 03 phút ngày 20/02/2024 đến 22 giờ 04 phút ngày 25/02/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 5 ngày 1 giờ 1 phút 47 giây.

+ Lần 2: mất kết nối lúc 22 giờ 05 phút ngày 25/02/2024 đến 20 giờ 23 phút ngày 29/02/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 3 ngày 22 giờ 17 phút 51 giây.

+ Lần 3: mất kết nối lúc 20 giờ 23 phút ngày 29/02/2024 đến 5 giờ 45 phút ngày 01/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 9 giờ 21 phút 21 giây.

+ Lần 4: mất kết nối lúc 18 giờ 47 phút ngày 01/3/2024 đến 5 giờ 44 phút ngày 05/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 3 ngày 10 giờ 56 phút 50 giây.

+ Lần 5: mất kết nối lúc 17 giờ 43 phút ngày 05/3/2024 đến 6 giờ 13 phút ngày 06/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 12 giờ 29 phút 42 giây.

+ Lần 6: mất kết nối lúc 23 giờ 14 phút ngày 06/3/2024 đến 18 giờ 24 phút ngày 10/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 3 ngày 19 giờ 10 phút 57 giây.

+ Lần 7: mất kết nối lúc 18 giờ 44 phút ngày 10/3/2024 đến 14 giờ 46 phút ngày 12/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 1 ngày 20 giờ 21 phút 53 giây.

+ Lần 8: mất kết nối lúc 19 giờ 47 phút ngày 12/3/2024 đến 10 giờ 57 phút ngày 13/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 15 giờ 10 phút 30 giây.

+ Lần 9: mất kết nối lúc 0 giờ 58 phút ngày 16/3/2024 đến 16 giờ 32 phút ngày 16/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 15 giờ 34 phút 16 giây.

+ Lần 10: mất kết nối lúc 22 giờ 26 phút ngày 13/4/2024 đến 22 giờ 26 phút ngày 13/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 8 ngày 8 giờ 53 phút 58 giây.

+ Lần 11: mất kết nối lúc 22 giờ 26 phút ngày 13/4/2024 đến 6 giờ 39 phút ngày 15/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 1 ngày 8 giờ 12 phút 38 giây.

+ Lần 12: mất kết nối lúc 6 giờ 39 phút ngày 15/4/2024 đến 20 giờ 01 phút ngày

15/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 13 giờ 22 phút 8 giây.

+ Lần 13: mất kết nối lúc 3 giờ 07 phút ngày 16/4/2024 đến 12 giờ 20 phút ngày 17/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 1 ngày 9 giờ 12 phút 26 giây.

+ Lần 14: mất kết nối lúc 12 giờ 20 phút ngày 17/4/2024 đến 9 giờ 58 phút ngày 20/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 2 ngày 21 giờ 37 phút 57 giây.

+ Lần 15: mất kết nối lúc 13 giờ 56 phút ngày 20/4/2024 đến 7 giờ 5 phút ngày 24/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 3 ngày 17 giờ 9 phút 11 giây.

+ Lần 16: mất kết nối lúc 7 giờ 5 phút ngày 24/4/2024 đến 8 giờ 52 phút ngày 28/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 4 ngày 1 giờ 47 phút 20 giây.

+ Lần 17: mất kết nối lúc 8 giờ 52 phút ngày 28/4/2024 đến 9 giờ 29 phút ngày 30/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 2 ngày 27 phút 28 giây.

+ Lần 18: mất kết nối lúc 15 giờ 20 phút ngày 03/5/2024 đến 6 giờ 29 phút ngày 13/5/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 9 ngày 15 giờ 8 phút 57 giây.

+ Lần 19: mất kết nối lúc 12 giờ 34 phút ngày 16/5/2024 đến 19 giờ 43 phút ngày 21/5/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 5 ngày 7 giờ 9 phút 30 giây.

- *Tàu cá số hiệu KG-94156TS do Nguyễn Đô N làm thuyền trưởng mất kết nối thiết bị giám sát hành trình trên biển 17 lần:*

+ Lần 1: mất kết nối lúc 20 giờ 15 phút ngày 20/02/2024 đến 22 giờ 04 phút ngày 25/02/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 5 ngày 1 giờ 49 phút 2 giây.

+ Lần 2: mất kết nối lúc 22 giờ 04 phút ngày 25/02/2024 đến 20 giờ 23 phút ngày 29/02/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 3 ngày 22 giờ 18 phút 27 giây.

+ Lần 3: mất kết nối lúc 20 giờ 23 phút ngày 29/02/2024 đến 5 giờ 45 phút ngày 01/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 9 giờ 21 phút 43 giây.

+ Lần 4: mất kết nối lúc 18 giờ 45 phút ngày 01/3/2024 đến 5 giờ 43 phút ngày 05/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 3 ngày 10 giờ 58 phút 27 giây.

+ Lần 5: mất kết nối lúc 22 giờ 43 phút ngày 06/3/2024 đến 18 giờ 17 phút ngày 10/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 3 ngày 19 giờ 33 phút 25 giây.

+ Lần 6: mất kết nối lúc 19 giờ 9 phút ngày 12/3/2024 đến 10 giờ 47 phút ngày 13/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 15 giờ 37 phút 10 giây (bị Cảnh sát biển xử phạt vi phạm hành chính).

+ Lần 7: mất kết nối lúc 0 giờ 47 phút ngày 16/3/2024 đến 16 giờ 40 ngày 16/3/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 15 giờ 53 phút 17 giây.

+ Lần 8: mất kết nối lúc 11 giờ 41 phút ngày 05/4/2024 đến 22 giờ 27 phút ngày 13/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 8 ngày 10 giờ 46 phút 11 giây.

+ Lần 9: mất kết nối lúc 22 giờ 27 phút ngày 13/4/2024 đến 6 giờ 36 phút ngày

15/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 1 ngày 8 giờ 8 phút 51 giây.

+ Lần 10: mất kết nối lúc 6 giờ 36 phút ngày 15/4/2024 đến 20 giờ 03 phút ngày 15/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 13 giờ 27 phút 48 giây.

+ Lần 11: mất kết nối lúc 5 giờ 05 phút ngày 16/4/2024 đến 12 giờ 01 phút ngày 17/04/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 1 ngày 6 giờ 56 phút 55 giây.

+ Lần 12: mất kết nối lúc 12 giờ 02 phút ngày 17/4/2024 đến 7 giờ 46 phút ngày 20/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 2 ngày 19 giờ 44 phút 14 giây.

+ Lần 13: mất kết nối lúc 13 giờ 50 phút ngày 20/4/2024 đến 7 giờ 13 phút ngày 24/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 3 ngày 17 giờ 22 phút 49 giây.

+ Lần 14: mất kết nối lúc 7 giờ 13 phút ngày 24/4/2024 đến 8 giờ 50 phút ngày 28/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 4 ngày 1 giờ 37 phút 42 giây.

+ Lần 15: mất kết nối lúc 8 giờ 50 phút ngày 28/4/2024 đến 9 giờ 17 phút ngày 30/4/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 2 ngày 26 phút 16 giây.

+ Lần 16: mất kết nối lúc 15 giờ 17 phút ngày 03/5/2024 đến 6 giờ 31 phút ngày 13/5/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 9 ngày 15 giờ 13 phút 35 giây.

+ Lần 17: mất kết nối lúc 12 giờ 34 phút ngày 16/5/2024 đến 19 giờ 41 phút ngày 21/5/2024, tổng thời gian mất kết nối là: 5 ngày 7 giờ 6 phút 47 giây.

Đến ngày 21/5/2024, trong lúc cả 02 tàu cá do Thái Quốc T và Nguyễn Đô N điều khiển hoạt động ở vùng biển nước ngoài thì lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam phát tín hiệu, thông tin tuyên truyền yêu cầu 02 tàu cá trên phải di chuyển về vùng biển Việt Nam, nhận được thông tin T cùng N điều khiển tàu cá di chuyển về hướng vùng biển Việt Nam thì lực lượng tuần tra thuộc Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển 4 tiếp cận 02 tàu cá và kiểm tra, thời điểm này 02 thiết bị giám sát hành trình trên cả 02 tàu cá không có tín hiệu, bị ngắt kết nối.

Tại Cơ quan điều tra, Thái Quốc T và Nguyễn Đô N thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi tự ý ngắt thiết bị giám sát hành trình nhằm mục đích sang vùng biển nước ngoài đánh bắt trái phép. Đến ngày 30/12/2024, Thái Quốc T và Nguyễn Đô N lần lượt bị khởi tố để điều tra về hành vi cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử theo quy định tại Điều 287 Bộ luật Hình sự.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:**

- 02 (hai) tàu cá số hiệu KG-95858-TS, KG-94156-TS (đã qua sử dụng);
- 01 (một) thiết bị giám sát hành trình tàu cá số hiệu: BTK004368 được gắn trên tàu cá KG 95858-TS (đã qua sử dụng);
- 01 (một) thiết bị giám sát hành trình tàu cá số hiệu: BTK006091 được gắn trên

tàu cá mang số hiệu KG-94156-TS (đã qua sử dụng);

- 01 (một) điện thoại vệ tinh, hiệu Thuraya, Imei 35887610-260074-0, SN: BDU01AL05175 (đã qua sử dụng);

- 01 (một) thiết bị định vị, nhãn hiệu Onwa, M: KP-1299A, S. No: 1299A4210400042-B (đã qua sử dụng).

- 02 (hai) cục N2 đã được niêm phong trong 02 phong bì (dạng bì thư) màu trắng, có chữ ký của ông Thái Quốc T thuyền trưởng tàu KG-95858-TS và Nguyễn Đô N thuyền trưởng tàu KG-94156-TS - được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Tiền bán lô hải sản: 38.420.000đ (*Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

*** Tại bản Kết luận giám định số 1085/KL-KTHS, ngày 13/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh K, kết luận:**

1. 02 (hai) thiết bị giám sát hành trình tàu cá gửi đến giám định nêu trên là phương tiện điện tử.

2. 02 (hai) thiết bị giám sát hành trình tàu cá gửi đến giám định nêu trên dựa trên số liệu cung cấp theo Công văn số 116/TTTĐKCT-QLHTGSTC ngày 09/9/2024 của Trung tâm đăng kiểm tàu cá, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh K đang hoạt động bình thường.

- Từ ngày 15/02/2024 đến ngày 21/5/2024 tín hiệu của 02 thiết bị giám sát hành trình:

- + Thiết bị giám sát hành trình tàu cá, nhãn hiệu Zunibal, số serial: BTK004368: Mất kết nối 19 lần.

- + Thiết bị giám sát hành trình tàu cá, nhãn hiệu Zunibal, số serial: BTK006091: Mất kết nối 17 lần.

Chi tiết được thể hiện trong Công văn số 116/TTTĐKCT-QLHTGSTC ngày 09/9/2024 của Trung tâm đăng kiểm tàu cá, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh K cung cấp.

*** Tại Bản kết luận giám định số 34/KL-KTHS ngày 07/01/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh K, kết luận:**

- 01 (một) điện thoại vệ tinh, 01 (một) thiết bị định vị cần giám định có hoạt động bình thường.

- Điện thoại vệ tinh gửi đến giám định không đủ cơ sở để giám định dữ liệu bên trong do SIM hết hiệu lực sử dụng.

- Thiết bị định vị gửi đến giám định không tìm thấy dữ liệu có liên quan đến vụ việc trên.

Kèm theo kết luận giám định: 01 Bản phụ lục.

H lại đối tượng giám định: Tất cả thiết bị gửi đến giám định, tình trạng còn nguyên vẹn (không làm thay đổi công năng của thiết bị).

Tại bản Cáo trạng số: 69/CT-VKSKG-P2, ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Thái Quốc T và Nguyễn Đô N về tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 287 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Các bị cáo Thái Quốc T5, Nguyễn Đô N trong quá trình điều khiển tàu biển đi đánh bắt đã có hành vi ngắt thiết bị giám sát hành trình nhiều lần để đưa tàu hoạt động ra ngoài vùng biển Việt Nam. Trong đó, bị cáo Thái Quốc Trí N1 thiết bị 19 lần, lần ít nhất là 09 giờ 21 phút 21 giây, lần ngắt dài nhất là 231 giờ 08 phút 57 giây; Bị cáo Nguyễn Đô N ngắt thiết bị 17, lần ít nhất 09 giờ 21 phút 43 giây, lần ngắt dài nhất 225 giờ 13 phút 35 giây.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với chứng cứ khách quan và phần tranh tụng công khai tại phiên tòa, Viện Kiểm sát có đủ cơ sở giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị tuyên bố các bị cáo Thái Quốc T và Nguyễn Đô N phạm tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 287 Bộ luật hình sự và áp dụng cho bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt mỗi bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 4 Điều 287 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung bị cáo Thái Quốc T từ 30 đến 50 triệu đồng do bị cáo T giữ vai trò cao hơn trong vụ án.

* Về biện pháp tư pháp: Cơ quan điều tra trả lại tàu cá cho chủ sở hữu theo quy định; Đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 38.420.000đ là tiền bán sản phẩm thu được trong chuyến đi biển nêu trên do ông Nguyễn Quốc V nộp vào tài khoản của Sở tài chính.

- Quan điểm của luật sư bào chữa cho các bị cáo Thái Quốc T và Nguyễn Đô N: Luật sư xin vắng mặt và có ý kiến đề nghị xem xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, việc các bị cáo thành khẩn khai báo, ích cực hợp tác với cơ quan chức năng. Từ đó, áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật

Hình sự để quyết định mức hình phạt nhẹ, tạo cơ hội cho các bị cáo làm lại cuộc đời cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Ý kiến của những người có liên quan: Ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Thị P là chủ sở hữu, người quản lý 02 tàu cá trình bày, do Cảnh sát biển thông báo mới biết các bị cáo bị phạt hành chính trên biển, ông V đã nộp phạt cho các bị cáo. Do không liên lạc được nên không yêu cầu các bị cáo vào bờ được, đến khi sự việc phạm tội xảy ra. Ông bà không biết, không bàn bạc chỉ đạo gì với thuyền trưởng trong quá trình tàu đi đánh bắt. Số tiền bán hải sản có được trong chuyến đi biển của các bị cáo, ông V đã nộp và đồng ý sung quỹ nhà nước, không yêu cầu gì.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và trình bày lời nói sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về việc làm của mình nên khi điều tra đã khai thêm nhiều lần tất thiết bị hành trình trước đó. Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi mẹ già, bản thân bệnh nặng nên mong được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K (nay là An Giang), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là An Giang), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Thái Quốc T, Nguyễn Đô N thừa nhận để mua dầu Diesel giá rẻ, các bị cáo đã dùng nam châm tác động làm ngắt tín hiệu thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá của mình điều khiển để đưa tàu ra ngoài khơi vùng biển chồng lấn ranh giới giữa Việt Nam và Malaysia nhiều lần đến khi bị phát hiện bắt giữ.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo khai nhận phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập và thẩm tra tại phiên tòa. Kết luận giám định của phòng K1, thiết bị điện tử tàu cá KG-95858TS do Thái Quốc T điều khiển có 19 lần bị ngắt kết nối, lần ngắt dài nhất là 231 giờ 08 phút 57 giây; thiết bị tàu cá KG-945156TS do Nguyễn Đô N điều khiển ngắt thiết bị 17 lần, lần dài nhất 225 giờ 13 phút 35 giây.

Với hành vi tự ý ngắt kết nối, gây cản trở hoặc rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử là thiết bị giám sát hành trình của 02 tàu cá như trên của các bị cáo Thái Quốc T, Nguyễn Đô N là đã phạm vào tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 287 Bộ luật hình sự nước C1 năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Tội phạm mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Hành vi tắt thiết bị để đưa tàu đánh bắt ra vùng biển chồng lấn với nước ngoài như trên đã gây thiệt hại nghiêm trọng về nhiều mặt đối với hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, không chỉ giới hạn trong phạm vi của một quốc gia. Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó Thái Quốc T là người kêu bị cáo Đô N tắt thiết bị. Xét các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên việc truy tố và xét xử đối với bị cáo là đúng quy định, đồng thời việc xử lý nghiêm các tội phạm có liên quan, nhằm góp phần chống khai thác hải sản trái phép trên vùng biển cũng là cần thiết. Tuy nhiên cũng cần xem xét, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khai ra những lần phạm tội trước đó, từ đó cần quyết định cho các bị cáo một mức án tương xứng, có thời gian cách ly các bị cáo để cải tạo, giáo dục cũng như nâng cao tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều bị xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần về các hành vi vi phạm hành chính trong quá trình đánh bắt hải sản. Khi bị phát hiện hành vi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khai ra những lần ngắt thiết bị trước đó, tự nguyện đồng ý nộp tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[7] Về quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát: Về tội danh; hình phạt; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quan điểm bào chữa của luật sư: Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt của luật sư đối với các bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về biện pháp tư pháp: Các tàu cá đã giao trả cho chủ sở hữu do không biết việc các bị cáo phạm tội là phù hợp. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính các bị cáo do ông Nguyễn Quốc V đã nộp.

[10] Những vấn đề khác của vụ án: Ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn T3 là người quản lý và chủ các tàu cá không biết việc các bị cáo trong quá trình đi đánh đã ngắt thiết bị hành trình, nên không bị truy cứu trách nhiệm là phù hợp.

Đối với các thuyền viên đi trên 02 tàu cá do Thái Quốc T và Nguyễn Đô N làm thuyền trưởng. Những người này chỉ là người làm công, không biết gì về việc tắt thiết bị hành trình trên tàu, không có giúp sức hay thống nhất gì với các bị cáo nên không có liên quan gì trong vụ án theo quy định.

[11] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo **Thái Quốc T, Nguyễn Đô N** phạm tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử”;

Xử phạt bị cáo **Thái Quốc T** 03 (ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đô N** 03 (ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án;

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 287 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Buộc bị cáo **Thái Quốc T** nộp phạt bổ sung bằng 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); Cấm các bị cáo **Thái Quốc T** và **Nguyễn Đô N** làm công việc thuyền trưởng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính là tiền bán hải sản do các bị cáo Thái Quốc T và Nguyễn Đô

N khai thác trái phép mà có bằng 38.420.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền 38.420.000 đồng ông Nguyễn Quốc V đã nộp theo phiếu ủy nhiệm chi ngày 29/5/2024 vào tài khoản của Sở tài chính tỉnh K.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo **Thái Quốc T, Nguyễn Đô N** mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/10/2025)

Đối với những người có liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh AG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh AG (1);
- THA tỉnh AG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh AG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh AG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh AG- Bị cáo (1);
- Người liên quan (1); **Nguyễn Diệu Hiền**
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

